

Bản án số: 157/2018/DS-ST

Ngày: 06-9-2018

V/v tranh chấp hợp đồng mượn tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Sâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thành**

2. Ông **Lê Văn Lâu**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hứa Quốc Thái** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Không có.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mượn tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2018/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Bá L**, sinh năm: 1965. (có mặt).

Địa chỉ: ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Phạm Văn T**, sinh năm: 1977. (có mặt).

Nguyễn Thị N, sinh năm: 1976. (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị Nguyễn Thị N ủy quyền cho anh Phạm Văn T theo giấy ủy quyền lập ngày 15/8/2018 và giấy ủy quyền lập ngày 05/9/2018 tại Văn phòng công chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Bá L trình bày: Ông L và vợ chồng anh T, chị N là chỗ quen biết. Do vợ chồng anh T, chị N cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên ngày 28/8/2017 ông L có cho vợ chồng anh T, chị N mượn 100.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 tháng. Khi nhận tiền vợ chồng anh T, chị N có lập biên nhận. Vợ chồng anh T, chị N đã trả cho ông L được 40.000.000 đồng, thời hạn mượn cũng đã hết từ lâu. Ông T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh T, chị N trả 60.000.000 đồng nhưng vợ chồng anh T, chị N không trả. Nay ông L yêu cầu vợ chồng anh T, chị N trả cho ông 60.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 06/8/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Phạm Văn T trình bày: Anh thừa nhận ngày 28/8/2017 vợ chồng anh chị có mượn của ông L 100.000.000 đồng, khi nhận tiền vợ chồng anh chị có lập biên nhận, thời hạn mượn là 01 tháng (tính từ ngày 28/8/2017 đến ngày 28/9/2017). Vợ chồng anh T, chị N đã trả cho ông L được 40.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ phía ông L có đến đòi nhiều lần nhưng do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên cho đến nay vợ chồng anh T, chị N chưa trả cho ông T số tiền còn lại. Nay anh T đồng ý trả cho ông L 60.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị N ủy quyền cho anh Phạm Văn T theo giấy ủy quyền lập ngày 15/8/2018 và giấy ủy quyền lập ngày 05/9/2018 tại phòng công chứng là phù hợp qui định pháp luật.

Về nội dung: Vào ngày 28/8/2017 vợ chồng anh T, chị n có mượn ông L 100.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 tháng, khi mượn có lập biên nhận. Vợ chồng anh T, chị N đã trả được 40.000.000 đồng, thời hạn mượn đã hết từ lâu, ông L nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh T, chị N trả số tiền còn lại nhưng vợ chồng anh T không trả. Nay ông L yêu cầu anh T, chị N trả 60.000.000 đồng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Anh T đồng ý trả cho ông L 60.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

[2] Xét thấy, vợ chồng anh T và chị N đã vi phạm thời gian trả nợ đã lâu nay lại xin trả kéo dài là cố tình chiếm dụng vốn gây thiệt thòi cho ông L, nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu ông L buộc vợ chồng anh T, chị N trả 60.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L được chấp nhận nên bị đơn anh T và chị N phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá L.

- Buộc anh Phạm Văn T cùng vợ là chị Nguyễn Thị Nh trả cho ông Trần Bá L 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án vợ chồng anh T, chị N chậm thực hiện còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị N phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Trần Bá L 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09009 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN VĂN SÂM

